

Bản án số: 05/2019/KDTM-ST.

Ngày: 29/10/2019.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phước

2. Ông Trương Hoàng Tân

- Thư ký phiên Tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Tất- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 16/2019/TLST-KDTM ngày 31 tháng 5 năm 2019, về: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST – KDTM ngày 18 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2019/QĐST – KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Địa chỉ trụ sở chính: 442 NTMK, Phường 5, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh: 220 HHG, phường Q, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ký đơn khởi kiện: Ông Huỳnh Lê Tuấn K – Giám đốc chi nhánh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: anh Trần Cẩm Huỳnh, nhân viên xử lý nợ (văn bản ủy quyền ngày 26/12/2018) (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Mạnh H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Bà Võ Thị Nh, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng trú tại: tổ 30, khu 5, ấp 8, xã A, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/12/2018 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như các lời khai tại phiên tòa sơ thẩm do người đại diện theo ủy quyền anh Trần Cẩm Huỳnh trình bày:

Ngày 13/10/2015 Ngân hàng thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng ACB) và ông Trần Mạnh H và bà Võ Thị Nh đã ký hợp đồng tín dụng số HON.CN.01121015 để vay số tiền 600.000.000đ. Mục đích vay để sản xuất kinh doanh – Vốn cố định đầu tư phương tiện vận chuyển, thời hạn vay 48 tháng (từ ngày 16/10/2015- 16/10/2019), lãi suất 11,10%/năm, từ tháng thứ 4 lãi suất vay được điều chỉnh 3 tháng 01 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; hình thức thanh toán trả lãi hàng tháng, vốn vay trả theo quý. Theo khế ước nhận nợ số 205275439, ông H, bà Nh đã nhận tiền vay số tiền 600.000.000.000 đồng vào ngày 16/10/2015.

Để đảm bảo khoản nợ vay trên bà Võ Thị Nh và ông Trần Mạnh H đã thế chấp tài sản là chiếc xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu DONGFENG số khung BG47F8815183, số máy 703378156000, biển số 60C- 238.19 theo Hợp đồng thế chấp/ cầm cố tài sản số HON.BĐCN.01121015 ngày 13/10/2015. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của bà Võ Thị Nh và ông Trần Mạnh H theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035112 do Phòng cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 10/10/2015. Đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Đà Nẵng ngày 13/10/2015, số đăng ký 1193812948.

Sau khi vay, bà Nh và ông H đã thanh toán cho Ngân hàng ACB số tiền gốc lãi hàng tháng đến ngày 16/6/2018 thì ngưng không thanh toán nên Ngân hàng ACB mới làm đơn khởi kiện. Sau khi khởi kiện bà Nh và ông H có nộp trả 30.000.000đ nợ gốc, tổng cộng số tiền nợ gốc đã trả 430.000.000đ và nợ lãi là 135.043.917đ.

Đến ngày 29/10/2019 bị đơn còn nợ Ngân hàng số tiền sau:

- Nợ vay gốc: 170.000.000 đồng.
- Lãi suất trong hạn: 14.668.056 đồng.
- Lãi quá hạn: 23.737.667 đồng.
- Lãi phạt chậm trả: 1.411.493 đồng

Tổng cộng: 209.817.216 đồng.

Trường hợp bà Nh ông H không thanh toán được số tiền nợ hoặc thanh toán không đầy đủ đề nghị dùng tài sản đảm bảo là xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu DONGFENG số khung BG47F8815183, số máy 703378156000, biển số 60C- 238.19 theo Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số HON.BĐCN.01121015 ngày 13/10/2015 để thi hành án nhằm thanh toán hết số tiền vốn vay và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 7 năm 2019 bị đơn bà Võ Thị Nh trình bày:

Bà và ông H là vợ chồng nhưng đã làm thủ tục ly hôn vào tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện LT. Trước khi ly hôn, ngày 13/10/2015 vợ chồng bà có thế chấp tài sản là xe ô tô biển số 60C-238.19 là tài sản chung vợ chồng để vay số tiền 600.000.000đ của Ngân hàng ACB như Ngân hàng khai là đúng.

Mục đích vay để mua xe ô tô để làm ăn, sau khi mua xe bà giao cho ông H quản lý sử dụng và chịu trách nhiệm trả tiền hàng tháng cho Ngân hàng.

Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ACB bà đề nghị ông H phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ vì bà đã giao xe cho ông H quản lý sử dụng bà không đồng ý thanh toán. Nếu ông H không trả được nợ bà đồng ý dùng tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc trả số nợ gốc và tiền lãi phát sinh .

Tại bản tự khai ngày 25/9/2019 bị đơn ông Trần Mạnh H trình bày:

Ông H xác nhận lời trình bày của đại diện Ngân hàng ACB về khoản nợ vay và việc thế chấp tài sản như Ngân hàng và bà Nh trình bày là đúng.

Sau khi vay số tiền 600.000.000đ ông là người quản lý sử dụng xe ô tô biển số 60C-238.19 là tài sản thế chấp để kinh doanh và chịu trách nhiệm thanh toán nợ, ông đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 430.000.000đ và 135.000.000đ tiền lãi.

Ông đồng ý thanh toán số tiền nợ vay gốc còn nợ 170.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp không thanh toán được ông đồng ý dùng tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô biển số 60C-238.19 đảm bảo thi hành án.

Ngày 25/9/2019 ông H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Nh và ông H phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng ACB số tiền vay gốc 170.000.000đ và lãi phát sinh gồm lãi trong hạn và quá hạn theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Trường hợp bị đơn không thanh toán được số nợ trên Ngân hàng ACB được quyền phát mãi tài sản mà vợ chồng bà Nh và ông H đã thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn bà Võ Thị Nh và ông Trần Mạnh H không đến tham dự phiên tòa, ngày 25/9/2019 ông H làm bản tự khai và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Vì vậy, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. *Về thời hiệu, thẩm quyền, quan hệ pháp luật:*

Nguyên đơn làm đơn khởi kiện ngày 26/12/2019, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ từ ngày 16/6/2018 nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 154 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo quy định tại mục 1.1 Điều 11 Thỏa thuận các điều khoản và điều kiện tín dụng chung ngày 13/10/2015 thì: “*Các tranh chấp giữa các bên trong quá trình thực hiện Thỏa thuận này và Hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng bảo đảm sẽ do Tòa án*

nhân dân nơi ACB có trụ sở chính hoặc Tòa án nhân dân do ACB lựa chọn giải quyết” Bị đơn ông H bà Nh đang cư trú tại ấp 8, xã A, huyện LT, tỉnh Đồng Nai và mục đích vay nợ của bị đơn là mua xe ô tô để kinh doanh nên quan hệ tranh chấp là: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LT.

[3]. Về công bố chứng cứ:

Tất cả các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được Tòa án thông báo, công bố tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và photo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2018 nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, ngày 23/7/2019 Ngân hàng có đơn xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu buộc bị đơn trả nợ gốc 170.000.000 đồng do ngày 27/2/2019 bị đơn đã thanh toán 30.000.000đ.

Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ phần rút yêu cầu của nguyên đơn.

Tại hồ sơ bà Nh và ông H đều có lời khai thừa nhận có ký hợp đồng vay và hợp đồng bảo đảm như Ngân hàng ACB đã trình bày, thống nhất số tiền nợ vay gốc còn nợ là 170.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 16/6/2018 đến nay. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là sự thật.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng ACB yêu cầu bị đơn ông Trần Mạnh H và bà Võ Thị Nh phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng ACB số tiền nợ tín dụng đã vay gồm:

- Vốn gốc: 170.000.000 đồng.
- Lãi trong hạn: 14.668.056 đồng.
- Lãi quá hạn: 23.737.667 đồng.
- Lãi phạt chậm trả: 1.411.493 đồng

Tổng cộng : 209.817.216 đồng.

Lãi tiếp tục tính từ ngày 29/10/2019 cho đến ngày ông H, bà Nh thanh toán hết số nợ gốc và lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong hợp đồng tín dụng là 150% lãi suất trong hạn .

Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng A và bà Nh ông Hù được ký kết trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng các qui định của pháp luật, do vậy các bên phải có trách nhiệm thực hiện và phải chịu các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này. Hình thức thanh toán nợ trả gốc và lãi từng tháng trong thời gian 48 tháng nhưng sau khi vay ông H chỉ thanh toán đến ngày 16/6/2018 thì ngưng không thanh toán đến ngày 26/7/2018 Ngân hàng thông báo chuyển nợ quá hạn, ngày 09/11/2018 Ngân hàng thông báo thu hồi nợ trước thời hạn vì vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày 26/12/2018 làm đơn khởi kiện.

Căn cứ vào quy định tại Điều 2 của hợp đồng tín dụng số HON.CN.01121015 ngày 13/10/2015 có thỏa thuận về mức lãi suất trong hạn và nợ quá hạn bằng 150%

lãi suất trong hạn, phí phạt vi phạm do chậm trả. Do ông H bà Nh vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc Ngân hàng A yêu cầu phải trả vốn vay 170.000.000đ và các khoản tiền lãi trong hạn là 14.668.056 đồng và lãi quá hạn tính đến ngày 29/10/2019 là 23.737.667 đồng; phí phạt lãi chậm trả 1.411.493 đồng theo bảng kê tính lãi phát sinh do đại diện Ngân hàng cung cấp tại phiên tòa ngày 29/10/2019 là có cơ sở nên được chấp nhận.

Bà Nh không đồng ý thanh toán số tiền còn nợ mà đề nghị ông H phải chịu trách nhiệm thanh toán do bà và ông H đã ly hôn và sau khi vay nợ bà giao xe cho ông H kinh doanh và chịu trách nhiệm thanh toán nợ vay. Tuy nhiên khi vay nợ bà Nh và ông H là vợ chồng cùng ký tên vay nợ và dùng tài sản là chiếc xe ô tô thuộc sở hữu chung vợ chồng để bảo đảm số nợ vay nên cần căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nh và ông H phải cùng có trách nhiệm thanh toán nợ.

Ông H, bà Nh đã ly hôn theo quyết định công nhận thỏa thuận và thuận tình ly hôn số 73/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/3/2019 nên mỗi người phải chịu trách nhiệm thanh toán phần nghĩa vụ của mình, tổng số tiền gốc, lãi phải trả là 209.817.216 đồng. Như vậy ông H và bà Nh mỗi người phải trả 104.908.608 đồng (trong đó 85.000.000đ tiền gốc và 19.908.608 đồng tiền lãi).

[5]. Về việc xử lý tài sản thế chấp:

Để bảo đảm cho khoản nợ vay trên bà Nh và ông H đã dùng tài sản là chiếc xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu DONGFENG số khung BG47F8815183, số máy 703378156000, biển số 60C- 238.19 thuộc quyền sở hữu của bà Võ Thị Nh và ông Trần Mạnh H theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035112 do Phòng cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 10/10/2015 để thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp/ cầm cố tài sản số HON.BĐCN.01121015 ngày 13/10/2015.

Nhận thấy hợp đồng thế chấp ngày 13/10/2015 là hoàn toàn hợp lệ theo quy định tại Điều 7a Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 Về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Vì vậy, bà Nh, ông H phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo cam kết tại Điều 8 hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số HON.BĐCN.01121015 ngày 13/10/2015 đưa tài sản đã thế chấp để đảm bảo thi hành án cho số tiền dư nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số HON.CN.01121015 ngày 13/10/2015 theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị đơn ông H, bà Nh mỗi người phải chịu 5.245.430 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT là phù hợp với nhận định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 30, 35, 147, 192, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ Điều 154, 463, 466, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 4, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 Về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Buộc ông Trần Mạnh H và bà Võ Thị Nh phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 170.000.000 đồng tiền gốc; 39.817.216 đồng tiền lãi, tổng cộng: 209.817.216 đồng (hai trăm lẻ chín triệu, tám trăm mười bảy ngàn, hai trăm mười sáu đồng). Cụ thể:

- Ông Trần Mạnh H phải trả: 104.908.608 đồng (trong đó 85.000.000đ tiền gốc và 19.908.608 đồng tiền lãi).

- Bà Võ Thị Nh phải trả: 104.908.608 đồng (trong đó 85.000.000đ tiền gốc và 19.908.608 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày 30/10/2019 ông Trần Mạnh H và bà Võ Thị Nh còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần A thì lãi suất mà ông Trần Mạnh H và bà Võ Thị Nh phải thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Tài sản đảm bảo thi hành án là xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu DONGFENG số khung BG47F8815183, số máy 703378156000, biển số 60C- 238.19 theo Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số HON.BĐCN.01121015 ngày 13/10/2015 thuộc quyền sở hữu của bà Võ Thị Nh và ông Trần Mạnh H theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035112 do Phòng cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 10/10/2015.

2. Về án phí: Ông Trần Mạnh H và bà Võ Thị Nh mỗi người phải chịu 5.245.430 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.300.000 đồng theo biên lai thu số 0005053 ngày 25/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LT.

3. Ngân hàng thương mại cổ phần A được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Mạnh H và bà Võ Thị Nh được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- CCTHADSH.LT;
- VKSNDH.LT;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phụng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Hoàng Tân Nguyễn Văn Phước

Nguyễn Thị Phụng